

Số (N<sup>o</sup>): 0294/VAQ09-03/15

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
LINH KIỆN Ô TÔ**

**TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR SYSTEMS/ COMPONENTS OF AUTOMOBILE**

**Cấp theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải**

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số:

10360/25/LH Ngày 26/10/2025

*Pursuant to the Technical document N<sup>o</sup>*

*Date*

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

QCVN 34 : 2024/BGTVT

*Regulation applied*

Căn cứ Báo cáo kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng số:

500138/501031/12/25/01 Ngày 28/08/2025

*Pursuant to the results of C.O.P Testing record N<sup>o</sup>*

*Date*

Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số:

3324 GH/BCTN-PO/25 Ngày 17/10/2025

*Pursuant to the results of Testing report N<sup>o</sup>*

*Date*

**CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**  
General Director of Vietnam Register hereby approves that

Kiểu loại sản phẩm: **Lốp hơi xe ô tô**

*(System/ Component type)*

Nhãn hiệu: **CASUMINA**

*(Trade Mark)*

Tên thương mại: ---

*(Commercial name)*

Mã kiểu loại: **11R22.5 16PR 146/143M CA604A**

*(Model code)*

Ký hiệu thiết kế/ ký hiệu sản phẩm: **11R22.5 16PR CA604A**

*(Design code, component code)*

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**

*(Name and address of manufacturer)* **180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM - XÍ  
NGHIỆP LỐP RADIAL**

*(Name and address of assembly plant)* **Thửa đất số 154, Tờ bản đồ số 59, Khu phố 7, Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Sản phẩm nói trên thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia *(The product is in compliance with)*: **QCVN 34 : 2024/BGTVT.**

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày *(This certificate is valid until)*: **11/11/2028**

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2025

**CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

*Vietnam Register*

**KT. CỤC TRƯỞNG**

**PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tô An